

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HC-ST

Ngày: 06/6/2023

*“Khởi kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực thu hồi,
bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi
đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Quy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Danh.

Ông Trần Duy Ngọc.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trà – Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tú Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 31/2022/TLST-HC ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc *“Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HC ngày 04/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2023/QĐST-HC ngày 16/5/2023 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 233/2023/TB-THC ngày 19/5/2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Đặng Thị S, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn Hà Y, xã An Th, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

3.2/ Ủy ban nhân dân xã An Th, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

3.3/ Ông Lê Văn H (chết 2015). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông Lê Văn H:

+ Bà Đặng Thị S (người khởi kiện), sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn Hà Y, xã An Th, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

+ Anh Lê Văn H1, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Hà Y, xã An Th, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

+ Chị Lê Thị Ng1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn Hà Y, xã An Th, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

+ Anh Lê Văn H2, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Hà Y, xã An Th, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

+ Chị Lê Thị Bích Ph1, sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn Hà Y, xã An Th, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Văn H1 và chị Lê Thị Ng1: Bà Đặng Thị S, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn Hà Y, xã An Th, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2022, quá trình thu thập chứng cứ bà Đặng Thị S trình bày:

Diện tích đất 687,5m² tọa lạc tại thôn Hà Y, xã An Th, huyện Tuy A có nguồn gốc do bà Đặng Thị S khai hoang từ trước năm 1993 và sử dụng liên tục để làm nông nghiệp trồng cỏ từ đó đến nay.

Thực hiện Công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã An Th, huyện Tuy A ban đầu diện tích đất của bà S bị ảnh hưởng thu hồi 344m², sau đó thì thu hồi tiếp 290m², còn lại 53,5m² (diện tích này không đủ điều kiện để tiếp tục sản xuất).

Ngày 25 tháng 8 năm 2016 UBND huyện Tuy A ban hành Quyết định số 1179/QĐ- UBND phê duyệt phương án bồi thường giá trị cây cối, hoa màu, các loại tài sản khác để thực hiện Công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã An Th, huyện Tuy A (đoạn mở rộng đợt 1), nhưng UBND huyện Tuy A chỉ bồi thường về cây trồng trên diện tích 344m² với số tiền 1.720.000 đồng.

Bà Đặng Thị S làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Tuy A. Ngày 29/3/2017, UBND huyện Tuy A ban hành Văn bản số 42/UBND ngày 29/3/2017 chấp nhận bồi thường về đất đối với diện tích 344m² thu hồi ban đầu và diện tích 290m² thu hồi bổ sung với tổng số tiền 25.360.000 đồng. Nhưng UBND huyện Tuy A không ban hành Quyết định thu hồi đất; không bồi thường cây trồng trên diện tích đất 290m² thu hồi bổ sung. Đồng thời diện tích 53,5m² còn lại không đủ điều kiện để tiếp tục sản xuất nhưng UBND huyện Tuy A không thu hồi, bồi thường đối với diện tích đất còn lại này.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2021/HC-ST ngày 28/5/2021 của TAND tỉnh Phú Yên đã quyết định: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Đặng Thị S đối với các yêu cầu:

+ Hủy Văn bản số 242/UBND ngày 11/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện Tuy A.

+ Hủy Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND huyện Tuy A “Về việc phê duyệt phương án bồi thường giá trị đất đai, để thực hiện Công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã An Th, huyện Tuy A”;

+ Hủy một phần Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND huyện Tuy A “Về việc phê duyệt phương án bồi thường giá trị cây cối hoa màu, các loại tài sản khác để thực hiện Công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã An Th, huyện Tuy A (đoạn mở rộng đợt 1)”;

Hủy quyết định chi trả tiền bồi thường số 1697/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 của UBND huyện Tuy A;

+ Buộc UBND huyện Tuy A tiến hành các thủ tục lập phương án thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích thực tế 687,5m² bà S đang khiếu kiện bị ảnh hưởng thu hồi để thực hiện Công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã An Th, huyện Tuy A đúng quy định pháp luật.

Thi hành Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2021/HC-ST ngày 28/5/2021 của TAND tỉnh Phú Yên, ngày 20/4/2022 UBND huyện Tuy A ban hành Quyết định số 441/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường để thực hiện công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn. Địa điểm: Thôn Hà Y, xã An Th, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên. Tổng số tiền bồi thường cho bà Đặng Thị S là 29.220.000 đồng (trong đó: Bồi thường về đất 27.500.000 đồng, bồi thường về cây cối, hoa màu: 1.720.000 đồng).

Nay bà Đặng Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND huyện Tuy A về việc phê duyệt phương án bồi thường để thực hiện công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn. Địa điểm: Thôn Hà Y, xã An Th, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên (gọi tắt Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 20/4/2022).

+ Buộc UBND huyện Tuy A lập phương án bồi thường về đất cho bà Đặng Thị S đối với diện tích đất 687,5m² (HNK) theo đúng quy định của pháp luật, vì UBND huyện Tuy A bồi thường giá đất 40.000 đồng/m² là thấp.

+ Buộc UBND huyện Tuy A bồi thường về cây trồng trên đất (cỏ sữa) đối với diện tích 687,5m² cho bà Đặng Thị S.

+ Buộc UBND huyện Tuy A hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà Đặng Thị S khi nhà nước thu hồi đất theo đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện UBND huyện Tuy A: Quá trình tố tụng không tham gia, không có nội dung trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND xã An Th (Tại Công văn số 116/ CV-UBND ngày 21/11/2022 – BL 32) trình bày: Bản đồ 299 đo

vẽ năm 1994, tờ bản đồ số 9, thuộc loại đất mặt nước sông suối, chủ sử dụng là UBND xã An Th;

Bản đồ 364 đo vẽ năm 1997, thửa số 22, tờ bản đồ số 13, diện tích 5.325m^2 , loại đất bãi cát, chủ sử dụng là UBND xã An Th quản lý;

Đối chiếu trang số 69 thuộc quyền 02 của Sổ mục kê lập năm 1998 được UBND xã An Th và Giám đốc Sở Địa chính phê duyệt tháng 11/1998 thể hiện thửa đất 22 có tổng diện tích 5.325m^2 , tại cột “Tên chủ sử dụng đất” thể hiện “Đất chưa sử dụng”, loại đất Hg/b;

Bản đồ đo vẽ năm 2012, thửa số 35, tờ bản đồ số 13, diện tích $2.899,5\text{m}^2$, loại đất BHK, chủ sử dụng là UBND xã An Th quản lý;

Đối chiếu trang số 28 thuộc quyền số 2 của Sổ mục kê (lập theo Bản đồ đo đạc năm 2012) đã được Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai và Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên phê duyệt năm 2016 thể hiện thửa đất 35 có tổng diện tích $52.899,5\text{m}^2$, tại cột “Tên người sử dụng, quản lý đất” thể hiện UBND xã, loại đất: BHK.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tuy A trình bày:

Theo Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND huyện Tuy A và Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND huyện Tuy A xác định về giá trị bồi thường đối với hộ bà S như sau:

+ Về cây trồng (cỏ sữa): $344\text{m}^2 \times 5.000\text{đ} = 1.720.000$ đồng.

+ Về đất BHK: $634\text{m}^2 \times 40.000\text{đ} = 25.360.000$ đồng.

Tổng cộng: 27.080.000 đồng

Thực hiện Bản án số 14/2021/HC-ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tuy A chỉ tiến hành thực hiện lại Phương án về việc bồi thường, thực hiện công trình Kè bờ tả khu vực thượng lưu đập ông Tấn. Địa điểm thôn Hà Y, xã An Th, huyện Tuy A đối với hộ bà S và trình UBND huyện Tuy A phê duyệt Phương án. Giá trị bồi thường đối với hộ bà S như sau:

+ Về cây trồng (cỏ sữa): $344\text{m}^2 \times 5.000\text{đ} = 1.720.000$ đồng

+ Về đất BHK: $687,5\text{m}^2 \times 40.000\text{đ} = 27.500.000$ đồng

Tổng cộng: 29.220.000 đồng

Như vậy, sau khi lập phương án lại thì hộ bà Đặng Thị S được nhận thêm số tiền bồi thường đối với diện tích đất BHK ngoài dự án là: $53,5\text{m}^2 \times 40.000$ đồng = 2.140.000 đồng.

Khi tiến hành thực hiện công trình Kè bờ tả khu vực thượng lưu đập ông Tấn. Địa điểm thôn Hà Y, xã An Th, huyện Tuy A thì UBND huyện Tuy A xây dựng bảng giá bồi thường riêng theo Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 24/02/2016 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính

tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Tiểu dự án: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu ông Tấn, xã An Th, huyện Tuy A. Tại thời điểm thu hồi đất thì thửa đất của hộ bà S khiếu nại không thuộc các thửa đất xây dựng giá đất cụ thể để bồi thường được nêu tại Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 24/2/2016 của UBND tỉnh Phú Yên. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tuy A áp dụng Thông báo số 353/TB-UBND ngày 18/5/2016 của UBND tỉnh Phú Yên: Tại mục 4 giá đất cụ thể “Đối với các thửa đất phát sinh thêm trong cùng một dự án (hoặc tiểu dự án) nếu cùng loại đất, cùng vị trí đất mà trước đây UBND tỉnh đã phê duyệt thì cho phép áp dụng tương tự theo giá đất cụ thể đã được UBND tỉnh phê duyệt”...; Điều 11 Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 về việc quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Phú Yên “... Trường hợp loại đất, vị trí đất sau khi điều chỉnh có trong quyết định phê duyệt của UBND tỉnh thì được áp dụng giá đất trong quyết định để tính tiền bồi thường”; Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2015-2019) và Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2020-2024) thì loại đất BHK, vị trí 1, hệ số 1, đơn giá vẫn 40.000đ/m².

Về tính giá bồi thường cây trồng đối với hộ bà S được tính theo Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 06/01/2015 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành đơn giá bồi thường đối với cây trồng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Thực hiện công trình Kè bờ tả khu vực thượng lưu đập ông Tấn. Địa điểm thôn Hà Y, xã An Th, huyện Tuy A thì Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tuy A tiến hành kiểm kê tài sản, cây trồng trên đất của hộ bà S đối với diện tích 344m² (nằm trong dự án), phần diện tích còn lại ngoài dự án (290m² + 53,5m²) Trung tâm phát triển quỹ đất không tiến hành kiểm đếm. Quá trình thi công công trình, dự án tự đổ bê tông để gia cố diện tích đất 290m² – nằm ngoài vành đai thu hồi đất để thực hiện làm bờ kè (*việc này được thực hiện trước khi UBND huyện Tuy A cho phép bồi thường bổ sung phần diện tích này*). Do đó, TTPTQĐ huyện Tuy A không có căn cứ để xây dựng phương án bồi thường về cây trồng đối với diện tích 345,5m² (290m² và 53,5m²) của hộ bà Đặng Thị S.

Bà Đặng Thị S đã nhận tiền tổng cộng 27.080.000 đồng (bồi thường về đất 25.360.000 đồng và bồi thường cây trồng 1.720.000 đồng (*theo phiếu chi tiền ngày 27/8/2016 và 22/8/2017 của TTPTQĐ huyện Tuy A*)).

Qua sưu tra các tài liệu quản lý đất đai thì đối với diện tích thu hồi 687,5m² của hộ bà Đặng Thị S được xác định là đất của UBND xã An Th quản lý. Tuy nhiên, trên thực tế hộ bà Đặng Thị S canh tác sử dụng từ trước ngày 01/7/2004. Như vậy, trường hợp của bà S được bồi thường theo khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013.

Đối với yêu cầu của bà S về việc hỗ trợ việc làm cho bà sau khi nhà nước thu hồi đất là không có cơ sở, vì bà S được bồi thường theo khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013 nên người bị thu hồi đất không được hỗ trợ.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không đối thoại được, vì vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa:

Bà Đặng Thị S chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND huyện Tuy A; Buộc UBND huyện Tuy A thực hiện thủ tục lập phương án bồi thường giá trị cây trồng (cỏ sữa) trên diện tích đất 343,5m² tọa lạc tại thôn Hà Y, xã An Th, huyện Tuy A; Yêu cầu UBND huyện Tuy A hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ việc làm cho bà Đặng Thị S; Bà Đặng Thị S tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về việc “*Buộc UBND huyện Tuy A lập phương án bồi thường về đất cho bà Đặng Thị S đối với diện tích đất 687,5m² (HNK) theo đúng quy định của pháp luật, vì UBND huyện Tuy A bồi thường giá đất 40.000 đồng/m² là thấp*”.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định pháp luật; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 83, Điều 84 Luật đất đai năm 2013; Điều 19 và Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP; Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị S; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143 Luật tổ tụng hành chính đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị S đối với giá đất bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Người bị kiện UBND huyện Tuy A, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ vào Điều 158 Luật tổ tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:*

Tại phiên tòa bà Đặng Thị S chỉ yêu cầu Tòa án Hủy Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND huyện Tuy A, về việc phê duyệt phương án bồi thường; Buộc UBND huyện Tuy A thực hiện thủ tục lập phương án bồi thường giá trị cây trồng (cỏ sữa) trên diện tích đất 343,5m² tọa lạc tại thôn Hà Y, xã An Th, huyện Tuy A; Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất

và việc làm cho bà Đặng Thị S. Quyết định hành chính, hành vi hành chính bà S yêu cầu giải quyết là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa bà S thống nhất giá đất UBND huyện Tuy A đã bồi thường cho bà nên bà S rút yêu cầu khởi kiện về việc “*Buộc UBND huyện Tuy A lập phương án bồi thường về đất cho bà Đặng Thị S đối với diện tích đất 687,5m² (HNK) theo đúng quy định của pháp luật, vì UBND huyện Tuy A bồi thường giá đất 40.000 đồng/m² là thấp*”. Việc bà S rút yêu cầu là tự nguyện, không ai ép buộc nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về bồi thường cây cối, hoa màu trên đất thu hồi (cỏ sữa):

Theo Bảng tính chi tiết (bổ sung) số 01 ngày 08/12/2021 và Phương án bồi thường số 03/PA-TTPTQĐ ngày 08/12/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tuy A, được UBND huyện Tuy A phê duyệt tại Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 thì UBND huyện Tuy A bồi thường giá trị cây cối, hoa màu trên diện tích đất 344m², còn cây cối (cỏ sữa) trên diện tích đất 343,5m² UBND huyện Tuy A không lập phương án, quyết định phê duyệt bồi thường cho hộ bà Đặng Thị S. Trong khi đó, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2021/HC-ST ngày 28/5/2021 của TAND tỉnh Phú Yên và tại Biên bản xác minh ngày 29/4/2021 UBND xã An Th thể hiện “*Tại thời điểm thực hiện công trình kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, thuộc dự án hệ thống thoát lũ bảo vệ dân cư dọc sông Kỳ Lộ giai đoạn 2 thì toàn bộ diện tích bà Đặng Thị S sử dụng đang trồng cỏ*” (BL 173). Như vậy, UBND huyện Tuy A không thực hiện thủ tục bồi thường giá trị cây trồng (cỏ sữa) trên diện tích đất 343,5m² đã thu hồi là làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Đặng Thị S.

[3.2] Về yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất:

Theo khoản 2 Điều 83 Luật đất đai 2013 quy định các khoản hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất bao gồm: a) Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; b) hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, ...; d) Hỗ trợ khác.

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 và Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (*được sửa đổi bổ sung tại khoản 5, khoản 6 Điều 18c Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết ban hành luật đất đai*); quy định: Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất thực hiện theo quy định sau đây:

a/ Đối với hộ gia đình, cá nhân ...đang sử dụng đất thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật đất đai.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà S không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng diện tích đất 687,5m² tọa lạc tại thôn Hà Y, xã An Th, huyện Tuy A. Nhưng bà S sử dụng diện tích đất này trồng cỏ từ trước ngày 01/7/2004. Tại phiên tòa bà S xác định, khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, hộ gia đình bà có 05 nhân khẩu được nhà nước giao đất sản xuất nông nghiệp khoảng trên 05 sào đất tại vị trí khác, nay gia đình bà vẫn đang sử dụng vào việc sản xuất nông nghiệp. Diện tích đất 687,5m² không liên quan đến diện tích đất được Nhà nước giao theo Nghị định 64/CP. Do đó, bà S yêu cầu UBND huyện Tuy A hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất, tìm kiếm việc làm và các khoản hỗ trợ khác cho bà là không có cơ sở.

[4] Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị S.

[5] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên bà S không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; Hoàn lại cho bà Đặng Thị S số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Người bị kiện UBND huyện Tuy A phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 1 Điều 143; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; Khoản 2 Điều 83 Luật đất đai 2013; Khoản 1, 2 Điều 19 và Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (*được sửa đổi bổ sung tại khoản 5, khoản 6 Điều 18c Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết ban hành luật đất đai*); Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị S về các yêu cầu:

+ Hủy một phần Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND huyện Tuy A, về việc phê duyệt phương án bồi thường để thực hiện công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn. Địa điểm: Thôn Hà Y, xã An Th, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên (đối với phần bồi thường cây cối, hoa màu).

+ Buộc UBND huyện Tuy A thực hiện thủ tục bồi thường về cây trồng (cỏ sữa) trên toàn bộ diện tích đất đã thu hồi cho bà Đặng Thị S theo đúng quy định pháp luật.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị S đối với yêu cầu: Buộc UBND huyện Tuy A hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất, tìm kiếm việc làm và các khoản hỗ trợ khác. Vì không có căn cứ.

3/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị S về việc “*Buộc UBND huyện Tuy A lập phương án bồi thường về đất cho bà Đặng Thị S đối với diện tích đất 687,5m² (HNK) theo đúng quy định của pháp luật, vì UBND huyện Tuy A bồi thường giá đất 40.000 đồng/m² là thấp*”. Vì bà Đặng Thị S đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện.

Về án phí: Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị S 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007305 ngày 09/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Thời hạn, trình tự thủ tục thi hành và xử lý trách nhiệm với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án được thực hiện theo Nghị định 71/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Cục THADS tỉnh Phú Yên (1);
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh (1);
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, VT, hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Quy